

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ LONG XUYỀN  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 77/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 06-4-2021

V/v tranh chấp “Ly hôn, nuôi con”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYỀN, TỈNH AN GIANG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đặng Thị Diệu Tiên.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Đặng Hữu Tấn.

Bà Huỳnh Thị Thúy Hoa.

***Thư ký phiên tòa:*** Ông Trần Ngọc Ký – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên tham gia phiên tòa:***  
Ông Lê Hoàng Nhựt – Kiểm sát viên.

Trong ngày 06 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 563/2020/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2021/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* ông Nguyễn Hữu H, sinh năm: 1978. (có mặt).

Địa chỉ: ấp T, xã B, huyện T, tỉnh An Giang.

- *Bị đơn:* bà Lê Thị Bích T, sinh năm: 1978. (vắng mặt).

Địa chỉ: số 9A, đường Tôn Đức Thắng, phường B, thành phố X, tỉnh An Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn ông Nguyễn Hữu H trình bày: do gia đình mai mối nên ông và bà T tiến tới hôn nhân vào năm 2001, vợ chồng có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng 3 – 4 năm thì phát sinh mâu thuẫn về tiền bạc nhưng vì con cái nên cố gắng duy trì cuộc sống hôn nhân, mâu thuẫn kéo dài đến năm 2011 thì phát sinh thêm mâu thuẫn khác là bà T thường xuyên ghen tuông vô cớ. Đến năm 2019 vợ chồng thường xuyên cự cãi, không tìm được tiếng nói chung trong việc dạy dỗ con cái kéo dài đến năm 2020 thì ông chuyển vào sống và làm việc tại cơ quan, không thường xuyên về nhà. Vì lý do này nên bà T mất niềm tin vào ông và có

hành vi dùng xăng tạt đe dọa tính mạng của ông. Vợ chồng không còn chung sống với nhau từ năm 2020 đến nay. Nhận thấy tình cảm không còn, mâu thuẫn kéo dài nhiều năm không thể hàn gắn, ông xác định không thể tiếp tục chung sống với bà T nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với bà T.

- Về con chung: có 02 con chung tên Nguyễn Việt H, sinh ngày 22/6/2003 đang sống chung với ông và Nguyễn Thị Mỹ D, sinh ngày 28/9/2011 hiện đang sống chung với bà T.

Tại đơn khởi kiện, ông yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con. Đến ngày 11/01/2021, tại phiên hòa giải, ông H thay đổi yêu cầu khởi kiện, đồng ý giao 02 con chung cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, ông không cấp dưỡng nuôi con chung.

Tại phiên tòa, ông xác định yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu H, không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi cháu H, ông đồng ý để bà T trực tiếp nuôi dưỡng cháu D, ông đồng ý cấp dưỡng nuôi cháu D mỗi tháng 2.000.000 đồng.

- Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Lê Thị Bích T vắng mặt nhưng tại phiên tòa ngày 08/3/2021, bà T có mặt và trình bày các nội dung sau:

Do gia đình mai mối nên ông H và bà tiến tới hôn nhân vào năm 2001, vợ chồng có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Vợ chồng sống hạnh phúc đến khoảng năm 2009 thì phát sinh mâu thuẫn do ông H có người phụ nữ khác bên ngoài, không quan tâm gia đình nhưng vì con nên vợ chồng cố gắng hàn gắn tình cảm nhiều lần, đến năm 2020 thì ông H bỏ đi, làm việc và ở lại sinh sống tại nơi công tác là Trại giam Định Thành đồng thời không về nhà, không quan tâm, chăm sóc con. Đối với yêu cầu ly hôn của ông H, bà không đồng ý.

- Về con chung: có 02 con chung tên Nguyễn Việt H, sinh ngày 22/6/2003 và Nguyễn Thị Mỹ D, sinh ngày 28/9/2011 hiện đang sống chung với bà. Sau khi ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: trong quá trình giải quyết vụ án bà T vắng mặt và không gửi đơn yêu cầu giải quyết.

*Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên phát biểu quan điểm:*

Hội đồng xét xử; Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm. Về thời hạn chuẩn bị xét xử thực hiện đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng: nguyên đơn, bị đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Nguyễn Hữu H; về con chung Nguyễn Việt H, sinh ngày 22/6/2003 đang sống chung

với ông H và Nguyễn Thị Mỹ D, sinh ngày 28/9/2011 hiện đang sống với bà T. Cháu H, cháu D có nguyện vọng muốn sinh sống với ông H. Tại phiên tòa, ông H yêu cầu được chăm sóc, nuôi dưỡng cháu H, không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con. Đồng ý giao cháu D cho bà T chăm sóc, nuôi dưỡng, tự nguyện cấp dưỡng cho cháu D 2.000.000 đồng/tháng.

Để đảm bảo ổn định về tinh thần và quyền lợi mọi mặt cho con chung, đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu H cho ông H chăm sóc nuôi dưỡng, giao cháu D cho bà T chăm sóc nuôi dưỡng, ghi nhận sự tự nguyện của ông H cấp dưỡng cho cháu D mỗi tháng 2.000.000 đồng.

Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: ông Nguyễn Hữu H yêu cầu ly hôn với bà Lê Thị Bích T. Bà T có nơi cư trú tại số 9A, đường Tôn Đức Thắng, phường B, thành phố X, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền được quy định tại các Điều 28, 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Ngày 08/3/2021, Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên ban hành Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 13/2021/QĐST-HNGĐ ấn định cụ thể thời gian, địa điểm mở lại phiên tòa, bị đơn bà Lê Thị Bích T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: ông Nguyễn Hữu H và bà Lê Thị Bích T xác lập quan hệ vợ chồng và chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên hôn nhân của ông, bà được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Khi vợ chồng chung sống thì phát sinh mâu thuẫn về tiền bạc, bất đồng về quan điểm sống, mâu thuẫn kéo dài từ năm 2009 đến nay, vợ chồng đã cố gắng hàn gắn tình cảm nhiều lần nhưng không được. Trong quá trình giải quyết vụ án ông H xác định không còn tình cảm với bà T, giữa vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng nên ông vẫn cương quyết yêu cầu ly hôn, bà T không đồng ý đối với yêu cầu ly hôn của ông H.

Hội đồng xét xử nhận thấy, hôn nhân phải trên cơ sở tự nguyện, ông H xác định không thể tiếp tục chung sống cùng với bà T, hôn nhân không hạnh phúc, mâu thuẫn trầm trọng và kéo dài nhiều năm, mục đích hôn nhân không đạt được và vợ chồng không còn chung sống với nhau khoảng 01 năm nay, giữa vợ chồng không còn thực hiện các quyền và nghĩa vụ cũng như không cố gắng hàn gắn, duy trì cuộc sống hôn nhân. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông H là phù hợp quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: có 02 con chung tên Nguyễn Việt H, sinh ngày 22/6/2003 hiện đang học bán trú tại trường THCS – THPT Bán trú và Nội trú Hồng Hà và Nguyễn Thị Mỹ D, sinh ngày 28/9/2011 hiện đang sống với bà T. Sau khi ly hôn, ông

H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu H, không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi cháu H, ông đồng ý để bà T trực tiếp nuôi dưỡng cháu D, ông đồng ý cấp dưỡng nuôi cháu D mỗi tháng 2.000.000 đồng. Bà T yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con chung, yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét thấy từ khi ông H và bà T không còn chung sống với nhau thì cháu D sống với bà T đã ổn định, mặc dù cháu D có nguyện vọng được sống với ông H nhưng quá trình chung sống với bà T thì cháu cũng được chăm sóc tốt, môi trường học tập và sinh hoạt của cháu đã ổn định, tại các biên bản xác minh ngày 12/3/2021 tại trường Tiểu học Nguyễn Du và tại khóm Bình Long 2, phường Mỹ Bình, thành phố Long Xuyên thì cháu D vẫn phát triển bình thường về thể chất, tinh thần, kết quả học tập đạt, bà T cũng không có hành vi đánh đập hoặc ngược đãi cháu D.

Đối với cháu H thì cháu đang học bán trú tại trường THCS – THPT Bán trú và Nội trú Hồng Hà (số 170, đường Quang Trung, phường 10, quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh), tại đơn trình bày nguyện vọng của con ngày 15/3/2021, cháu H có nguyện vọng được sống với cha do cha có đủ điều kiện nuôi dưỡng và quan tâm, chăm sóc cháu nhiều hơn mẹ. Xét thấy để tránh sự xáo trộn về tâm lý cũng như thay đổi điều kiện môi trường sống đột ngột và đảm bảo cuộc sống ổn định cho các cháu, Hội đồng xét xử quyết định giao cháu Nguyễn Thị Mỹ D, sinh ngày 28/9/2011 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục, giao cháu Nguyễn Việt H, sinh ngày 22/6/2003 cho ông H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của cháu H và phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con chung: ông H không có yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi cháu H nên bà T không phải cấp dưỡng cho cháu H, ghi nhận sự tự nguyện của ông H cấp dưỡng cho cháu D mỗi tháng 2.000.000 đồng.

[6] Về tài sản chung: ghi nhận ý kiến của ông H trình bày không có tài sản chung, quá trình giải quyết vụ án bà T không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7] Về nợ chung: không đề cập giải quyết.

[8] Về án phí: ông H phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH**

- Căn cứ Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình 2014.

- Điều 28, 35, 39, 144, 147, 227, 228, 235, 271, 273, 278 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hữu H.

- Về quan hệ hôn nhân: ông Nguyễn Hữu H được ly hôn bà Lê Thị Bích T. Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 181, quyển số 01, ngày 09/11/2011 do Ủy ban nhân dân phường Mỹ Bình cấp không còn giá trị pháp lý.

- Về con chung:

Ông Nguyễn Hữu H được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Việt H, sinh ngày 22/6/2003.

Bà Lê Thị Bích T được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Thị Mỹ D, sinh ngày 28/9/2011.

Bà Lê Thị Bích T không trực tiếp nuôi dưỡng cháu H nhưng bà có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc và giáo dục cháu H, không ai được ngăn cản bà T thực hiện quyền này.

Ông Nguyễn Hữu H không trực tiếp nuôi dưỡng cháu D nhưng ông có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc và giáo dục cháu D, không ai được ngăn cản ông H thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung:

Bà T không phải cấp dưỡng cho cháu Nguyễn Việt H, sinh ngày 22/6/2003.

Ông Nguyễn Hữu H có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu Nguyễn Thị Mỹ D, sinh ngày 28/9/2011 mỗi tháng 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*) kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu D đủ 18 tuổi có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi sống bản thân, trừ trường hợp chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định pháp luật. Mức cấp dưỡng được điều chỉnh theo từng thời điểm do pháp luật quy định.

- Về tài sản chung: không xem xét, giải quyết.

- Về nợ chung: ghi nhận ông Nguyễn Hữu H xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật nếu có nguyên đơn xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì ông Nguyễn Hữu H và bà Lê Thị Bích T vẫn phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách bị đơn trong vụ án dân sự khác.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: ông Nguyễn Hữu H phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí đối với yêu cầu ly hôn và phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí đối với nghĩa vụ cấp dưỡng. Tổng cộng là 600.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền số 0005557 ngày 05/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang. Buộc ông Nguyễn Hữu H phải tiếp tục nộp số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*).

Ông Nguyễn Hữu H được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bà Lê Thị Bích T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- VKSND thành phố Long Xuyên;
- TAND tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS thành phố Long Xuyên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- VP (5)/.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đặng Thị Diệu Tiên**